

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM TECHNOLOGY ENGINEERING SOLUTIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VES COMPANY LIMITED

2. Mã số doanh nghiệp: 0109400768

3. Ngày thành lập: 03/11/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1 ngách 79/15 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0886280986

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
3.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
4.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
5.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
6.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
9.	Xuất bản phần mềm	5820
10.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
11.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
12.	Lập trình máy vi tính	6201
13.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
14.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
15.	Sao chép bản ghi các loại Chi tiết: Sao chép các phần mềm và dữ liệu sang đĩa, băng từ các bản gốc.	1820

16.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
17.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
18.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
19.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
20.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
21.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
22.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
23.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
24.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
25.	Sản xuất máy luyện kim	2823
26.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
27.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ hoạt động của các đấu giá viên)	4610
28.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
29.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
32.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
33.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
34.	Bán buôn tổng hợp	4690
35.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
36.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
37.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm bán buôn vàng)	4662
38.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
39.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
40.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên)	4789
41.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
42.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ))	4799
43.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

44.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
45.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh tem, súng đạn, tiền kim khí, vàng miếng)	4773
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN DUY QUANG	Số 1 ngách 79/15 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	001086013441	
2	VŨ THẾ VIỆT	29 ngõ 214 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	001086000607	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THẾ VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086000607

Ngày cấp: 25/06/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 29 ngõ 214 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 57A, ngõ 175 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 03/11/2020 đến ngày 03/12/2020

